

Quan điểm IFRS

Kế toán đối với tiền điện tử – hướng dẫn cơ bản



Chuỗi bài viết "Quan điểm IFRS" của chúng tôi cung cấp những hiểu biết sâu sắc từ đội ngũ IFRS toàn cầu về việc áp dụng Chuẩn mực Kế toán IFRS trong những tình huống phức tạp. Mỗi ấn bản sẽ tập trung vào một lĩnh vực khó áp dụng IFRS hoặc thiếu hướng dẫn chi tiết. Ấn bản này cung cấp hướng dẫn về một số vấn đề cơ bản thường gặp trong kế toán tiền điện tử, tập trung vào việc kế toán cho người nắm giữ.

Vấn đề về hạch toán kế toán?

Những năm gần đây chứng kiến ngày càng phổ biến của tiền điện tử, tuy nhiên các đơn vị nắm giữ tiền điện tử gặp khó khăn trong việc kế toán theo khuôn khổ Kế toán IFRS. Ví dụ, phương pháp kế toán các khoản nắm giữ tiền điện tử theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ có vẻ thích hợp, nhưng lại không phù hợp với các yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán IFRS trong hầu hết các trường hợp. Trong Ấn phẩm Quan điểm IFRS này, chúng tôi sẽ tìm hiểu các phương pháp kế toán được chấp nhận cho các khoản nắm giữ tiền điện tử, đồng thời đề cập đến những vấn đề có thể gặp phải.

Chuẩn mực kế toán IFRS có liên quan

IAS 38 'Tài sản vô hình'

IAS 2 'Hàng tồn kho'

IFRS 9 'Công cụ tài chính'

IAS 32 'Công cụ tài chính: Trình bày'

IFRS 13 'Đo lường giá trị hợp lý'

Các thực thể nắm giữ tiền điện tử cũng nên xem xét các quyết định từ cuộc họp của Ủy ban Diễn giải IFRS (IFRIC) được tổ chức vào tháng 3 năm 2019 về việc nắm giữ tiền điện tử. Những thảo luận của IFRIC trong cuộc họp này ủng hộ quan điểm được trình bày trong Quan điểm IFRS này rằng cách phân loại phù hợp nhất đối với tiền điện tử là tài sản vô hình, hoặc trong một số trường hợp hạn chế, hàng tồn kho.

Tóm tắt nội dung

Việc hạch toán tài sản tiền điện tử không dễ dàng phù hợp với khuôn khổ kế toán IFRS. Vì những lý do sẽ được giải thích, quan điểm của chúng tôi là trong hầu hết các trường hợp, việc hạch toán tiền điện tử theo IAS 38 'Tài sản vô hình' là phù hợp, theo nguyên giá hoặc theo phương pháp đánh giá lại. Việc sử dụng phương pháp đánh giá lại phụ thuộc vào việc có thị trường hoạt động cho loại tiền điện tử liên quan hay không.

Trong một số trường hợp hạn chế, một đơn vị có thể hạch toán tài sản tiền điện tử theo hướng dẫn được nêu trong IAS 2 'Hàng tồn kho' dành cho các nhà môi giới-kinh doanh hàng hóa. Phương pháp đo lường mặc định của IAS 2 là ghi nhận hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Tuy nhiên, Chuẩn mực này quy định rằng các nhà môi giới-kinh doanh hàng hóa thay vào đó được yêu cầu đo lường hàng tồn kho của họ theo giá trị hợp lý trừ đi chi phí bán, với những thay đổi về giá trị hợp lý trừ đi chi phí bán được ghi nhận vào lãi hoặc lỗ trong kỳ thay đổi. Quan điểm của chúng tôi là điều này sẽ chỉ phù hợp trong những trường hợp hạn chế khi tài sản tiền điện tử được đơn vị báo cáo mua lại với mục đích bán chúng trong tương lai gần và tạo ra lợi nhuận từ biến động giá hoặc biên lợi nhuận của nhà môi giới-kinh doanh.

Tiền điện tử là gì?

Tiền điện tử là tiền kỹ thuật số hoặc tiền 'ảo', sử dụng mật mã để bảo mật các giao dịch, kiểm soát việc tạo ra các đơn vị tiền tệ bổ sung và xác minh việc chuyển giao tài sản. Bản thân mật mã mô tả quá trình viết hoặc tạo mã để cho phép giữ bí mật thông tin.

Trái ngược với các hình thức tiền tệ truyền thống, vốn được kiểm soát thông qua hệ thống ngân hàng tập trung, tiền điện tử sử dụng cơ chế kiểm soát phi tập trung. Việc kiểm soát phi tập trung của tiền điện tử hoạt động thông qua 'blockchain', một cơ sở dữ liệu giao dịch công khai, hoạt động như một sổ cái phân tán. Điều này có lợi thế là hai bên có thể giao dịch trực tiếp với nhau mà không cần trung gian, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí.

Các loại tiền điện tử

Bitcoin là loại tiền điện tử phi tập trung đầu tiên (khối 'genesis' đầu tiên được tạo ra vào năm 2009) và hiện có vốn hóa thị trường cao nhất. Tuy nhiên, kể từ đó, rất nhiều loại tiền điện tử khác đã được tạo ra và tính đến đầu năm 2025, ước tính có khoảng 13.000 loại tiền kỹ thuật số đang tồn tại, trong đó chỉ dưới 9.000 được coi là đang hoạt động.

Tiền điện tử lớn thứ hai về vốn hóa thị trường hiện nay là Ethereum. Giống như Bitcoin, Ethereum tồn tại như một phần của mạng lưới dựa trên blockchain. Sự khác biệt chính giữa hai loại tiền tệ này là Bitcoin tập trung vào việc theo dõi quyền sở hữu tiền kỹ thuật số bằng một bộ quy tắc xác thực giao dịch độc lập được gọi là bằng chứng công việc (proof-of-work), trong khi phần mềm điện toán phi tập trung của Ethereum cho phép người dùng chạy các chương trình và mã để phát triển hợp đồng thông minh. Trái ngược với hợp đồng tiêu chuẩn, vốn phác thảo các điều khoản của một mối quan hệ (thường được thực thi theo luật), hợp đồng thông minh thực hiện giao dịch thông qua việc chương trình thực thi chính xác như đã được thiết lập bởi người tạo ra nó. Điều này cho phép các nhà phát triển xây dựng nhiều loại ứng dụng và công nghệ phân tán khác nhau mà không tương thích với Bitcoin.

Các loại tiền điện tử lớn khác bao gồm, nhưng không giới hạn bởi các loại tiền điện tử sau:

- XRP
- Tether
- BNB
- Solana
- USDC



Đánh giá các phương pháp tiếp cận về kế toán cho việc nắm giữ tài sản tiền điện tử

Trong phần này, chúng ta sẽ xem xét cách một đơn vị báo cáo theo Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IFRS) có thể hạch toán các khoản nắm giữ tiền điện tử, và liệu những phương pháp này có được chấp nhận theo IFRS hay không. Bảng dưới đây tóm tắt nội dung này.

Chuẩn mực	Phân loại	Chấp nhận theo IFRS
IAS 7 'Báo cáo lưu chuyển tiền tệ'	Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt	KHÔNG
IFRS 9 'Công cụ tài chính'	Tài sản tài chính theo giá trị hợp lý thông qua lãi hoặc lỗ (FVTPL)	KHÔNG
IAS 40 'Bất động sản đầu tư'	Bất động sản đầu tư	KHÔNG
IAS 16 'Tài sản, Nhà máy và Thiết bị'	Tài sản, nhà máy và thiết bị	KHÔNG
IAS 38 'Tài sản vô hình'	Tài sản vô hình	Đúng
IAS 2 'Hàng tồn kho'	Hàng tồn kho	Đúng*

* trong một số điều kiện nhất định.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền

Là một dạng tiền kỹ thuật số, việc nắm giữ tiền điện tử có thể được coi là tiền mặt. Tuy nhiên, không giống như tiền mặt, tiền điện tử không được chính phủ hoặc ngân hàng trung ương bảo lãnh. Hơn nữa, chúng không được coi là tiền tệ hợp pháp ở hầu hết các khu vực pháp lý.

Đặt điều này trong bối cảnh kế toán, IAS 7 'Báo cáo lưu chuyển tiền tệ' không đưa ra định nghĩa về tiền, chỉ nêu rằng “tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi không kỳ hạn”. Tuy nhiên, IAS 32 'Công cụ tài chính: Trình bày' lại nói rằng “tiền (tiền mặt) là một tài sản tài chính vì nó đại diện cho phương tiện trao đổi và do đó là cơ sở mà tất cả các giao dịch được đo lường và ghi nhận trong báo cáo tài chính”. Xem xét mô tả này, có vẻ rõ ràng rằng tiền điện tử không thể được coi là tương đương với tiền mặt theo định nghĩa trong IAS 7. Mặc dù chúng có thể được trao đổi lấy một số hàng hóa hoặc dịch vụ hạn chế, nhưng điều này không phổ biến và ngay cả trong những trường hợp đó, chúng cũng không có khả năng thiết lập giá của những hàng hóa hoặc dịch vụ đó (tức là hàng hóa hoặc dịch vụ vẫn được định giá bằng một loại tiền tệ thông thường như USD, nhưng đơn vị cung cấp có thể chấp nhận tiền điện tử với số tiền tương đương).

Ý kiến chuyên sâu thực tế – Theo quan điểm IFRIC

Ủy ban Diễn giải IFRS (IFRIC hoặc Ủy ban) nhận thấy rằng mô tả về tiền trong đoạn AG3 của IAS 32 ngụ ý rằng tiền dự kiến sẽ được sử dụng như một phương tiện trao đổi (tức là được sử dụng để đổi lấy hàng hóa hoặc dịch vụ) và là đơn vị tiền tệ để định giá hàng hóa hoặc dịch vụ ở mức độ sẽ là cơ sở để đo lường và ghi nhận tất cả các giao dịch trong báo cáo tài chính.

Một số loại tiền điện tử có thể được sử dụng để đổi lấy hàng hóa hoặc dịch vụ cụ thể. Tuy nhiên, Ủy ban lưu ý rằng Ủy ban chưa nhận thấy bất kỳ loại tiền điện tử nào được sử dụng làm phương tiện trao đổi và làm đơn vị tiền tệ để định giá hàng hóa hoặc dịch vụ đến mức có thể trở thành cơ sở để đo lường và ghi nhận tất cả các giao dịch trong báo cáo tài chính. Do đó, Ủy ban kết luận rằng việc nắm giữ tiền điện tử không phải là tiền mặt vì tiền điện tử hiện không có các đặc điểm của tiền mặt.

Các khoản tương đương tiền

Ngoài việc bao gồm tiền mặt, IAS 7 còn định nghĩa một loại hình thứ hai là "các khoản tương đương tiền" - những công cụ gần như có giá trị tương đương tiền mặt vì bản chất của chúng giống tiền mặt. Liệu tiền điện tử có đáp ứng được định nghĩa này không?

Chuẩn mực Kế toán Quốc tế số 7 quy định rằng “các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro về biến động giá trị”. Xem xét định nghĩa này, có vẻ rõ ràng rằng tiền điện tử không thể được phân loại là các khoản tương đương tiền vì chúng đã chịu sự biến động giá đáng kể trong vài năm qua.

Tài sản tài chính theo FVTPL

Một cách tiếp cận thực tế khác để hạch toán việc nắm giữ tiền điện tử là hạch toán chúng như tài sản tài chính theo FVTPL.

Tuy nhiên, để có thể áp dụng cách tiếp cận như vậy, tiền điện tử cần phải đáp ứng định nghĩa về công cụ tài chính như được nêu trong IAS 32. Chuẩn mực này định nghĩa tài sản tài chính là “bất kỳ tài sản nào, bao gồm:

- tiền mặt
- một công cụ vốn chủ sở hữu của một đơn vị khác
- quyền thực hiện:
 - để nhận tiền mặt hoặc tài sản tài chính khác từ một đơn vị khác, hoặc
 - trao đổi tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với một đơn vị khác theo các điều kiện có khả năng có lợi cho đơn vị đó
- một hợp đồng sẽ hoặc có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị và:
 - một công cụ phi phái sinh mà, đơn vị có nghĩa vụ hoặc có thể phải nhận một số lượng thay đổi các công cụ vốn chủ sở hữu của chính đơn vị đó, hoặc
 - một sản phẩm phái sinh sẽ hoặc có thể được thanh toán bằng cách khác ngoài việc trao đổi một lượng tiền cố định hoặc một tài sản tài chính khác để lấy một số lượng cố định các công cụ vốn chủ sở hữu của chính đơn vị đó...”

Vì tiền điện tử không phải là công cụ vốn chủ sở hữu hoặc hợp đồng được thanh toán bằng công cụ vốn chủ sở hữu, và chúng ta đã kết luận rằng chúng không phải là tiền mặt, nên tiền điện tử chỉ cần xem xét ở nội dung thứ ba của định nghĩa này. Tuy nhiên, việc sở hữu tiền điện tử không mang lại cho người nắm giữ bất kỳ quyền hợp đồng nào để nhận tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Do đó, định nghĩa về tài sản tài chính không được đáp ứng. Nếu cần thêm thông tin tham khảo, cần lưu ý rằng IFRS 9 đã xem xét câu hỏi liệu vàng miếng có phải là công cụ tài chính hay không trong hướng dẫn triển khai Chuẩn mực. IFRS 9 lưu ý rằng mặc dù vàng miếng “có tính thanh khoản cao, nhưng không có quyền hợp đồng nào để nhận tiền hoặc tài sản tài chính khác vốn có trong vàng miếng” và do đó không phải là một công cụ tài chính. Điều tương tự cũng có thể áp dụng cho việc nắm giữ tiền điện tử.

Ý kiến chuyên sâu thực tế – Kết luận của IFRIC

Ủy ban kết luận rằng việc nắm giữ tiền điện tử không phải là một tài sản tài chính. Điều này là do tiền điện tử không phải là tiền mặt (xem ở trên). Nó cũng không phải là công cụ vốn chủ sở hữu của một tổ chức khác. Nó không tạo ra quyền hợp đồng cho người nắm giữ và không phải là một hợp đồng sẽ hoặc có thể được thanh toán bằng chính công cụ vốn chủ sở hữu của người nắm giữ.

Bất động sản đầu tư

Một số nhà phân tích đã đề xuất tính giá trị nắm giữ tiền điện tử theo FVTPL trên cơ sở chúng có thể được coi là bất động sản đầu tư.

Tuy nhiên, IAS 40 định nghĩa bất động sản đầu tư là: “bất động sản (đất đai hoặc tòa nhà – hoặc một phần của tòa nhà – hoặc cả hai) được nắm giữ... để kiếm tiền thuê hoặc để tăng giá trị vốn...”

Mặc dù một số tổ chức nắm giữ tiền điện tử để tăng giá trị vốn, nhưng quan điểm của chúng tôi là sẽ không phù hợp nếu một đơn vị phân loại chúng là tài sản đầu tư và đo lường chúng theo giá trị hợp lý thông qua lãi hoặc lỗ, vì tiền điện tử không phải là tài sản vật chất.

Tài sản, nhà máy và thiết bị

Việc phân loại tiền điện tử là tài sản, nhà máy và thiết bị có thể được loại trừ ngay lập tức vì cùng lý do như bất động sản đầu tư đã đề cập ở trên – cụ thể là IAS 16 'Tài sản, Nhà máy và Thiết bị' định nghĩa loại tài sản này theo khái niệm 'vật hữu hình', còn tiền điện tử thì không có hình thái vật chất. Khi đó, chúng ta có thể tập trung hoàn toàn vào phân loại tài sản vô hình và hàng tồn kho.

Tài sản vô hình

IAS 38 định nghĩa tài sản vô hình là “tài sản phi tiền tệ có thể xác định được và không có thực thể vật chất”. Định nghĩa này có thể được chia thành ba thành phần. Bảng dưới đây cho thấy điều này và cách đáp ứng từng phần của định nghĩa:

Định nghĩa	
Có thể xác định được	Xem xét khía cạnh đầu tiên của định nghĩa này, IAS 38 nêu rằng một tài sản có thể xác định được “nếu nó: • có thể tách rời, tức là có khả năng tách hoặc chia tách khỏi đơn vị và được bán, chuyển nhượng, cấp phép, cho thuê hoặc trao đổi, riêng lẻ hoặc cùng với hợp đồng liên quan, tài sản hoặc nợ phải trả có thể xác định được, bất kể đơn vị có ý định làm như vậy hay không, hoặc • phát sinh từ các quyền cam kết theo hợp đồng hoặc các quyền pháp lý khác, bất kể các quyền đó có thể chuyển nhượng hoặc tách rời khỏi thực thể hay khỏi các quyền và nghĩa vụ khác hay không”. Việc nắm giữ tiền điện tử có thể được giao dịch trên sàn giao dịch hoặc trong các giao dịch ngang hàng, do đó đáp ứng phần này của định nghĩa.
Tài sản phi tiền tệ	Như đã thảo luận ở trên, các khoản nắm giữ tiền điện tử có thể được giao dịch trên sàn giao dịch hoặc trong các giao dịch ngang hàng và do đó, một đơn vị có thể kỳ vọng lợi ích kinh tế từ tiền điện tử đáp ứng định nghĩa chung của IAS 38 về tài sản. Về việc tiền điện tử là tài sản tiền tệ hay tài sản phi tiền tệ, IAS 38 định nghĩa tài sản tiền tệ là “tiền được nắm giữ và tài sản sẽ nhận được với số lượng cố định hoặc có thể xác định được”. Giá trị của tiền điện tử không cố định hoặc không thể xác định được mà chịu sự biến động lớn phát sinh từ cung và cầu và không thể dự đoán được. Do đó, về bản chất, tiền điện tử không phải là tiền tệ mà là phi tiền tệ.
Không có bản chất vật lý	Tiền điện tử là một dạng tiền kỹ thuật số và không có bản chất vật lý.

“Trái ngược với các hình thức tiền tệ truyền thống được kiểm soát thông qua hệ thống ngân hàng tập trung, tiền điện tử sử dụng cơ chế kiểm soát phi tập trung.”

Tóm lại , xét đến việc tiền điện tử là một dạng tiền kỹ thuật số và không có hình thái vật lý, IFRIC kết luận rằng trong phần lớn các trường hợp, tài sản cố định vô hình sẽ là cách phân loại phù hợp nhất đối với tiền điện tử (trong một số trường hợp, có thể phù hợp để hạch toán tiền điện tử theo IAS 2 như trình bày sau đây).

Ý kiến chuyên sâu thực tế – Theo quan điểm IFRIC

Ủy ban nhận thấy rằng việc nắm giữ tiền điện tử đáp ứng định nghĩa về tài sản vô hình trong IAS 38 với lý do rằng (a) tiền điện tử có thể tách khỏi người nắm giữ và được bán hoặc chuyển nhượng riêng lẻ; và (b) tiền điện tử không trao cho người nắm giữ quyền nhận một số lượng đơn vị tiền tệ cố định hoặc có thể xác định được.

Sau khi xác định rằng tài sản vô hình là một phân loại phù hợp đối với tiền điện tử, thì câu hỏi đặt ra là làm thế nào để hạch toán tiền điện tử theo IAS 38.

Phương pháp kế toán theo IAS 38

IAS 38 bao gồm hai phương pháp kế toán – giá gốc hoặc định giá lại:

Giá gốc

Theo cách tiếp cận này, tài sản vô hình được đo lường theo giá gốc khi ghi nhận ban đầu và sau đó được đo lường theo giá gốc trừ đi khấu hao lũy kế và tổn thất giảm giá.

Giá gốc được định nghĩa là “số tiền hoặc các khoản tương đương tiền đã trả hoặc giá trị hợp lý của các khoản thanh toán khác được sử dụng để mua một tài sản tại thời điểm mua hoặc xây dựng tài sản đó, hoặc khi áp dụng, giá trị được phân bổ cho tài sản đó khi được ghi nhận ban đầu theo các yêu cầu cụ thể của các Chuẩn mực Kế toán IFRS khác, ví dụ: IFRS 2 Thanh toán dựa trên cổ phiếu”.

Đánh giá lại

IAS 38 cho phép hạch toán tài sản vô hình theo giá trị đánh giá lại, với điều kiện là có thị trường hoạt động mà tài sản được giao dịch (điều này có thể không đúng với tất cả các loại tiền điện tử).

Theo mô hình định giá lại, tài sản vô hình được đo lường theo giá gốc khi ghi nhận ban đầu và sau đó được đo lường theo giá trị hợp lý trừ đi khấu hao lũy kế và tổn thất giảm giá.

	Bước 1	Bước 2
Tăng giá trị	Ghi nhận vào thu nhập cho đến mức giá trị bằng khoản lỗ đã được ghi nhận vào lãi lỗ trong các kỳ trước	Ghi nhận tại khoản mục thặng dư do đánh giá lại tài sản vào thu nhập toàn diện khác cho số dư còn lại nếu có
Giảm giá trị	Ghi giảm khoản mục thặng dư do đánh giá lại tài sản, nếu có	Ghi nhận số dư vào lỗ trong kỳ

Chuẩn mực IAS 38 yêu cầu khoản tăng do đánh giá lại phải được ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác và được lũy kế vào vốn chủ sở hữu trong mục thặng dư do đánh giá lại. Tuy nhiên, khoản tăng do đánh giá lại phải được ghi nhận vào báo cáo lãi lỗ cho đến mức giá trị bằng khoản lỗ đã được ghi nhận vào lãi lỗ trong các kỳ trước.

Khoản ghi giảm do đánh giá lại được ghi nhận vào báo cáo cáo lãi hoặc lỗ. Tuy nhiên, khoản giảm này phải được ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác trong phạm vi số dư khoản mục thặng dư do đánh giá lại tài sản liên quan đến tài sản đó.

Để áp dụng mô hình định giá lại của IAS 38, giá trị hợp lý của tài sản vô hình phải có khả năng đo lường đáng tin cậy. Việc định giá lại tài sản vô hình thường hiếm khi xảy ra do thị trường hoạt động của chúng không phổ biến, tuy nhiên, khi tiền điện tử được giao dịch trên sàn giao dịch, có thể áp dụng mô hình định giá lại của IAS 38.

Thị trường hoạt động

IFRS 13 'Đo lường giá trị hợp lý' định nghĩa thị trường hoạt động là “thị trường trong đó các giao dịch về tài sản hoặc nợ phải trả diễn ra với tần suất và khối lượng đủ để cung cấp thông tin về giá cả liên tục”. Có rất ít hướng dẫn bổ sung trong Chuẩn mực kế toán IFRS để làm rõ định nghĩa này, do đó cần phải đưa ra xét đoán khi quyết định xem có thị trường hoạt động cho các loại tiền điện tử cụ thể hay không.

Đối với các loại tiền tệ phổ biến hơn như Bitcoin với các giao dịch hàng ngày quy mô lớn, việc chứng minh sự tồn tại của một thị trường hoạt động có thể tương đối dễ dàng. Tuy nhiên, việc này có thể không đúng với các loại tiền điện tử ít được biết đến hơn, đặc biệt là khi các giao dịch không diễn ra bằng tiền mặt. Quan điểm của chúng tôi là mặc dù có thể xem xét các giao dịch không phải bằng tiền trong một số trường hợp (ví dụ: các sàn giao dịch cho các loại tiền điện tử khác được coi là có thị trường hoạt động), tuy nhiên cần phải chú trọng hơn đến các giao dịch tiền.

Các đơn vị nắm giữ tiền điện tử theo mô hình định giá lại cũng cần giải quyết các chi tiết như cách theo dõi biến động trong quá trình định giá lại và trình bày chúng trong báo cáo thu nhập toàn diện khác. Ví dụ, đánh giá lại có được thực hiện trên từng đồng tiền riêng lẻ hay không, sàn giao dịch nào được sử dụng để đo lường và vào thời điểm nào (vì nhiều sàn giao dịch hoạt động 24/7).

Ý kiến chuyên sâu thực tế – Cơ chế của phương pháp định giá lại

Chúng tôi nhận thấy việc hạch toán tài sản tiền điện tử theo IAS 38 không thực sự thỏa đáng và trực quan. Việc hạch toán tài sản theo giá gốc có thể không giống với giá trị thực tế của chúng, trong khi cơ chế của phương pháp định giá lại, với yêu cầu ghi nhận lãi lỗ trong báo cáo lãi lỗ trong một số trường hợp và trong báo cáo thu nhập toàn diện trong những trường hợp khác, lại rất phức tạp. Chúng tôi đã có ý kiến đối với Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IAS) thực hiện một dự án để giải quyết vấn đề hạch toán các tài sản này.

Khấu hao và suy giảm giá trị

Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IAS) 38 yêu cầu một đơn vị phải đánh giá xem thời gian sử dụng hữu ích của một tài sản vô hình là hữu hạn hay vô thời hạn. Khi đánh giá điều này, Chuẩn mực lưu ý rằng một tài sản vô hình phải được coi là có thời gian sử dụng hữu ích vô thời hạn khi không có giới hạn dự kiến nào về khoảng thời gian mà tài sản đó dự kiến sẽ tạo ra dòng tiền thuần cho đơn vị.

Do tiền điện tử được thiết kế để hoạt động như một kho lưu trữ giá trị theo thời gian, quan điểm của chúng tôi là chúng được coi là có thời hạn sử dụng vô thời hạn theo mục đích của IAS 38. Tuy nhiên, chúng tôi lưu ý rằng những thay đổi về công nghệ có thể diễn ra nhanh chóng và thuật ngữ 'vô thời hạn' theo IAS 38 không có nghĩa là 'vô hạn'.

Tài sản vô hình có thời gian sử dụng không xác định thì không được khấu hao nhưng phải được kiểm tra khả năng suy giảm giá trị bằng cách so sánh giá trị thu hồi được với giá trị ghi sổ hàng năm và bất cứ khi nào có dấu hiệu cho thấy tài sản vô hình có thể bị suy giảm giá trị.

Theo IAS 36 "Suy giảm tài sản", khoản lỗ suy giảm phải được ghi nhận ngay vào báo cáo lãi lỗ, trừ khi tài sản được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại. Bất kỳ khoản lỗ suy giảm nào trên tài sản được đánh giá lại đều được coi là khoản giảm giá trị đánh giá lại theo Chuẩn mực mà tài sản đó được đánh giá lại. Như đã lưu ý ở trên, IAS 38 quy định rằng khoản giảm giá trị ghi sổ của tài sản vô hình phát sinh từ việc đánh giá lại được ghi nhận vào báo cáo lãi lỗ. Tuy nhiên, khoản giảm này phải được ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác trong phạm vi số dư có trong thặng dư đánh giá lại của tài sản đó.

IAS 36 cũng quy định rằng việc hoàn nhập khoản lỗ suy giảm giá trị đối với một tài sản không phải là lợi ích thương mại phải được ghi nhận ngay vào báo cáo lãi lỗ, trừ khi tài sản được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại. Chuẩn mực này yêu cầu bất kỳ việc hoàn nhập khoản lỗ suy giảm giá trị nào của một tài sản được đánh giá lại phải được coi là khoản tăng giá trị đánh giá lại theo Chuẩn mực mà tài sản đó được đánh giá lại. Chuẩn mực IAS 38 quy định rằng "nếu giá trị ghi sổ của một tài sản vô hình tăng lên do đánh giá lại, thì khoản tăng đó sẽ được ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác và được lũy kế vào vốn chủ sở hữu dưới khoản mục thặng dư đánh giá lại. Tuy nhiên, khoản tăng đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo lãi lỗ trong phạm vi nó hoàn nhập khoản giảm giá trị đánh giá lại của cùng một tài sản đã được ghi nhận trước đó vào báo cáo lãi lỗ".



Hàng tồn kho

Tùy thuộc vào mô hình kinh doanh của một đơn vị, việc hạch toán tiền điện tử theo IAS 2 'Hàng tồn kho' có thể phù hợp.

Trong khi việc nắm giữ tiền điện tử đáp ứng định nghĩa về tài sản vô hình, IAS 38 nêu rằng tài sản vô hình do một đơn vị nắm giữ để bán trong hoạt động kinh doanh thông thường nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực và phải được hạch toán theo IAS 2.

Ý kiến chuyên sâu thực tế – Quan điểm IFRIC #1

Ủy ban nhận thấy rằng một đơn vị có thể nắm giữ tiền điện tử để bán trong quá trình kinh doanh thông thường. Trong trường hợp đó, việc nắm giữ tiền điện tử được coi là hàng tồn kho của đơn vị và do đó, IAS 2 áp dụng cho việc nắm giữ đó. Ủy ban cũng nhận thấy rằng một đơn vị có thể hoạt động như một nhà môi giới-giao dịch tiền điện tử. Trong trường hợp đó, đơn vị đó xem xét các yêu cầu tại khoản 3(b) của IAS 2 đối với các nhà môi giới-giao dịch hàng hóa, những người đo lường hàng tồn kho của mình theo giá trị hợp lý trừ đi chi phí bán hàng. Khoản 5 của IAS 2 quy định rằng các nhà môi giới-giao dịch là những người mua hoặc bán hàng hóa cho người khác hoặc cho chính mình. Hàng tồn kho được đề cập tại khoản 3(b) chủ yếu được mua với mục đích bán trong tương lai gần và tạo ra lợi nhuận từ biến động giá hoặc biên lợi nhuận của nhà môi giới-giao dịch.

Phương pháp đo lường mặc định của IAS 2 là ghi nhận hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Tuy nhiên, IAS 2 cũng quy định rằng Chuẩn mực này không áp dụng cho việc đo lường hàng tồn kho do các nhà môi giới-kinh doanh hàng hóa nắm giữ. Thay vào đó, IAS 2 quy định rằng các nhà môi giới-kinh doanh hàng hóa được yêu cầu đo lường hàng tồn kho của họ theo giá trị hợp lý trừ đi chi phí bán hàng, và những thay đổi về giá trị hợp lý trừ đi chi phí bán hàng sẽ được ghi nhận vào lãi hoặc lỗ trong kỳ thay đổi.

“Do tiền điện tử được thiết kế để hoạt động như một kho lưu trữ giá trị theo thời gian, quan điểm của chúng tôi là chúng sẽ được coi là có thời hạn sử dụng vô thời hạn theo yêu cầu của IAS 38.”

Các vấn đề khác cần lưu ý

Chuyển đổi đơn vị tiền tệ

Tiền điện tử sẽ cần phải được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ chức năng của một đơn vị theo yêu cầu của IAS 21 'Ảnh hưởng của thay đổi trong tỷ giá hối đoái'.

Về mặt ghi nhận ban đầu, điều này có nghĩa là khoản nắm giữ tiền điện tử sẽ được ghi nhận bằng tỷ giá hối đoái giao ngay giữa đồng tiền chức năng và tiền điện tử vào ngày đó.

Khi chuyển sang việc ghi nhận tiếp theo, IAS 21 yêu cầu những điều sau đây vào cuối mỗi kỳ báo cáo:

- các khoản mục tiền bằng ngoại tệ phải được chuyển đổi theo tỷ giá đóng cửa
- các khoản mục phi tiền tệ được đo lường theo giá gốc bằng ngoại tệ phải được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch
- các khoản mục phi tiền tệ được đo theo giá trị hợp lý bằng ngoại tệ phải được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày giá trị hợp lý được đo lường.

Các khoản mục tiền là các đơn vị tiền tệ được nắm giữ và tài sản và nợ phải trả được nhận hoặc thanh toán bằng một số lượng đơn vị tiền tệ cố định hoặc có thể xác định được. Theo quan điểm của chúng tôi, việc nắm giữ tiền điện tử không đáp ứng được định nghĩa về các khoản mục tiền tệ. Do đó, hướng dẫn về các khoản mục phi tiền tệ nêu trên được áp dụng.

Trình bày thông tin

Các đơn vị nắm giữ tài sản tiền điện tử sẽ cần tuân thủ các yêu cầu công bố thông tin của IAS 2 hoặc IAS 38 tùy theo trường hợp.

Do tiền điện tử không tương thích phù hợp với khuôn khổ IFRS, các đơn vị báo cáo có thể cần xem xét các thông tin trình bày bổ sung để tuân thủ mục tiêu chung trong IAS 1 'Trình bày Báo cáo tài chính' là cung cấp thông tin hữu ích cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Ý kiến chuyên sâu thực tế – Quan điểm IFRIC #2

Ủy ban lưu ý các yêu cầu công bố sau đây trong bối cảnh nắm giữ tiền điện tử:

- Một đơn vị cung cấp các thông tin được yêu cầu theo (i) đoạn 36-39 của IAS 2 đối với tiền điện tử được nắm giữ để bán trong quá trình kinh doanh thông thường; và (ii) đoạn 118-128 của IAS 38 đối với việc nắm giữ tiền điện tử mà đơn vị đó áp dụng IAS 38.
- Nếu một đơn vị đo lường lượng tiền điện tử nắm giữ theo giá trị hợp lý, các đoạn 91-99 của IFRS 13 sẽ chỉ rõ các yêu cầu công bố áp dụng.
- Áp dụng đoạn 122 của IAS 1, một đơn vị phải công bố các xét đoán mà ban giám đốc của đơn vị đó đã đưa ra liên quan đến việc kế toán các khoản nắm giữ tiền điện tử nếu những xét đoán đó là một phần trong các xét đoán có tác động đáng kể đến giá trị được ghi nhận trong báo cáo tài chính.
- Đoạn 21 của IAS 10 'Các sự kiện sau kỳ báo cáo' yêu cầu một đơn vị phải công bố chi tiết về bất kỳ sự kiện trọng yếu nào không cần điều chỉnh, bao gồm thông tin về bản chất của sự kiện và ước tính tác động tài chính của sự kiện đó (hoặc tuyên bố rằng không thể thực hiện ước tính như vậy). Ví dụ, một đơn vị nắm giữ tiền điện tử sẽ xem xét liệu những thay đổi về giá trị hợp lý của các khoản nắm giữ đó sau kỳ báo cáo có đáng kể đến mức việc không công bố thông tin có thể ảnh hưởng đến các quyết định kinh tế mà người sử dụng báo cáo tài chính đưa ra dựa trên báo cáo tài chính hay không.

Với yêu cầu này, các đơn vị nên cân nhắc mọi tiêu chuẩn và yêu cầu có liên quan được IFRIC xác định trong quyết định chương trình hành động.

Vấn đề về khai thác tiền điện tử

Khai thác tiền điện tử mô tả quá trình xác minh các giao dịch cho nhiều loại tiền điện tử khác nhau và thêm vào sổ cái kỹ thuật số blockchain.

Một số vấn đề bổ sung phát sinh đối với các đơn vị đang "đào" tiền điện tử. Ví dụ, "thợ đào" tiền điện tử sử dụng một lượng lớn sức mạnh tính toán để giải các thuật toán blockchain. Sau khi thợ đào giải được một khối, tùy thuộc vào thuật toán khai thác, họ có thể được hưởng "phí giao dịch" để xác minh các giao dịch tiền điện tử và nhập chúng vào sổ cái blockchain. Các khoản phí giao dịch này do các bên giao dịch ban đầu quy định. Một lần nữa, tùy thuộc vào thuật toán khai thác, thợ đào cũng có thể nhận được phần thưởng là tiền điện tử mới được đào khi giải được khối, số tiền thưởng được xác định bởi phần mềm blockchain cơ sở. Câu hỏi đặt ra là liệu phí giao dịch mà thợ đào kiếm được và phần thưởng của tiền điện tử mới được tạo ra có thể được ghi nhận là doanh thu hay không.

Những cân nhắc bổ sung cũng có thể phát sinh trong trường hợp các thợ đào riêng lẻ hợp tác với nhau, kết hợp tài nguyên tính toán của họ để giải quyết một khối nhanh hơn. Những vấn đề này được thảo luận chi tiết hơn trong Quan điểm IFRS của chúng tôi: **Kế toán tài sản tiền điện tử**.

Hỗ trợ của chúng tôi

Chúng tôi hy vọng thông tin trong bài viết này hữu ích với bạn, giúp bạn hiểu rõ hơn về các khía cạnh của việc kế toán nắm giữ tiền điện tử. Nếu bạn muốn thảo luận về bất kỳ điểm nào được nêu, vui lòng liên hệ với Grant Thornton Việt Nam qua website: <https://www.grantthornton.com.vn/>.

Liên Hệ

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 18, Tháp Quốc tế Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt,
Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội.

ĐT + 84 24 3850 1686

F + 84 24 3850 1688



Nguyễn Hồng Hà

Phó Tổng Giám Đốc, Dịch vụ Kiểm
Toán

Grant Thornton Việt Nam

ĐT + 84 24 3850 1686 - **Ext:** 1601

E Hong.Ha.Nguyen@vn.gt.com

Trụ sở Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 14, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

ĐT + 84 8 3910 9100

F + 84 28 3910 9101



Daniel De Waal

Phó Tổng Giám Đốc, Dịch vụ Kiểm
Toán

Grant Thornton Việt Nam

ĐT + 84 28 3910 9100 - **Ext:** 9131

E Daniel.DeWaal@vn.gt.com

